

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MÙ CANG CHẢI
TỈNH YÊN BÁI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 14/2024/HNGĐ- ST

Ngày: 29 - 5 - 2024

V/v: Không công nhận là vợ chồng; tranh chấp
về việc nuôi con; tài sản chung.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MÙ CANG CHẢI, TỈNH YÊN BÁI

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Tông Văn Quân.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. ông Nguyễn Đức Hải
2. bà Lò Thị Mỹ Lệ

- Thư ký phiên tòa: ông Lý A Đà, Thẩm tra viên Toà án nhân dân huyện Mù Cang Chải, tỉnh Yên Bái.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mù Cang Chải, tỉnh Yên Bái tham gia phiên tòa: ông Lý A Việt, Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Mù Cang Chải, tỉnh Yên Bái xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 11/2024/ TLST- HNGĐ ngày 25 tháng 3 năm 2024 về việc ly hôn, tranh chấp con chung, tài sản chung theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2024/QĐXXST - HNGĐ ngày 14 tháng 04 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 09/2024/QĐST- HNGĐ ngày 15 tháng 5 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: chị Giàng Thị D, sinh năm 1983; Địa chỉ: bản T, xã L, huyện M, tỉnh Yên Bái. Vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: anh Thào A D1, sinh năm 1984; Địa chỉ: bản T, xã L, huyện M, tỉnh Yên Bái. Vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 25/3/2024 và biên bản ghi lời khai chị Giàng Thị D trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân:

Chị và anh Thào A D1 chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2003, chưa đăng ký kết hôn, khi kết hôn chỉ tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán tại địa phương. C sống hạnh phúc đến năm 2009 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh Thào A D1 nghiện ma túy, thường xuyên lấy tài sản của gia đình đi bán để thoả mãn cơn nghiện của bản thân. Khi xảy ra mâu thuẫn đã được hai bên gia đình,

chính quyền địa phương hòa giải nhiều lần nhưng anh D1 không từ bỏ ma túy. Nay chị D xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nên đề nghị Tòa án giải quyết để được ly hôn.

- *Về con chung*: Có 04 con chung

+ Thào Thị C1, sinh ngày 10/01/2003 (trên 18 tuổi đã đi lấy chồng)

+ Thào Thị S, sinh ngày 20/8/2009;

+ Thào A T, sinh ngày 25/ 02/ 2011;

+ Thào Thị B, sinh ngày 26/6/2015.

Chị D yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con là cháu Thào Thị S, sinh ngày 20/8/2009 và cháu Thào Thị B, sinh ngày 26/6/2015; anh Thào A D1 trực tiếp nuôi dưỡng cháu Thào A T, sinh ngày 25/02/ 2011, không ai phải cấp dưỡng.

- *Tài sản chung*: gồm có:

- 01 Ngôi nhà gỗ 3 gian, lợp ván gỗ tạp, có diện tích 60 m². Nguồn gốc do 2 vợ chồng tạo dựng. Tại bản Tà Chí Lừ, xã L, huyện M, tỉnh Yên Bái.

- Đất ruộng gồm 13 thửa gồm 10 thửa to và 03 thửa nhỏ. Được khoảng 30 bao thóc, tại bản Pú Nhu H, xã L, huyện M, tỉnh Yên Bái.

- Nương Thảo quả gồm 03 nương;

+ Nương thứ nhất: Khoảng 100 gốc, tại bản K, xã C, huyện M, tỉnh Yên Bái;

+ Nương thứ hai: Khoảng 110 gốc, tại bản K, xã C, huyện M, tỉnh Yên Bái;

+ Nương thứ ba: Khoảng 100 gốc, tại bản T, xã N, huyện V, tỉnh Lào Cai;

- 01 Chiếc xe moto nhãn hiệu HONDA.

- 01 Máy nghiền ngô.

Nếu ly hôn chị D yêu cầu được sở hữu, sử dụng số tài sản sau:

+ ½ ngôi nhà.

+ 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda.

+ 01 máy nghiền ngô.

+ ½ đất ruộng.

+ mảnh nương thảo quả khoảng 100 gốc tại bản T, xã N, huyện V, tỉnh Lào Cai.

Tại biên bản ghi lời khai ngày 10/4/2024 và đơn xin rút một phần yêu cầu của chị Giàng Thị D cụ thể như sau: Rút một phần tài sản, chỉ yêu cầu được sở hữu, sử dụng 01 mảnh nương thảo quả khoảng 100 gốc, tại bản Tà Ghênh, xã N, huyện V, tỉnh Lào Cai;

Số tài sản còn lại thuộc quyền sở hữu, sử dụng của anh Thào A D1.

* *Tại Biên bản lấy lời khai ngày 29/3/2024 bị đơn Thào A D1 trình bày*:

Về quan hệ hôn nhân:

Anh và chị Giàng Thị D chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2003, đến nay chưa đăng ký kết hôn, khi kết hôn chỉ tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán tại địa phương. Mới đầu chung sống hạnh phúc đến ngày 11 tháng 02 năm 2024 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân chủ yếu là do chị Giàng Thị D có quan hệ

ngoại tình nên thường xuyên cãi nhau, anh D1 có được đánh chị D 01 lần, Khi mâu thuẫn xảy ra vợ chồng đã được hai bên nội ngoại và chính quyền địa phương hòa giải nhiều lần, tuy nhiên chị D không thay đổi, chúng tôi đã ly thân từ tháng 02 năm 2024 cho đến nay không ai quan tâm đến ai nữa, tôi cảm thấy mỗi quan hệ hôn nhân có thể cải thiện được, tình cảm vợ chồng vẫn còn nay tôi đề nghị tòa án giải quyết về đoàn tụ.

- *Về con chung*: Có 04 con chung như chị D đã trình bày, trong đó cháu Thào Thị C1, sinh năm 2003 (trên 18 tuổi đã đi lấy chồng) nên không yêu cầu giải quyết. Nếu ly hôn anh D1 có nguyện vọng nuôi dưỡng 03 con chung. Không yêu cầu chị D cấp dưỡng.

- *Tài sản chung*: Tại biên bản tiếp cận công khai chứng cứ và biên bản hoà giải anh D1 và chị D khai thống nhất có toàn bộ tài sản như chị Giàng Thị D trình bày. Nhưng không chia bất cứ tài sản gì cho chị D.

Tại đơn trình bày nguyện vọng của các con đề ngày 29 tháng 3 năm 2024: Các cháu Thào Thị S, Thào A T và Thào Thị B trình bày “Nếu bố mẹ ly hôn thì các cháu có nguyện vọng được ở với mẹ”.

Biên bản xác minh ngày 16/4/2024 tại Ủy ban nhân dân xã L: Về quan hệ hôn nhân như lời trình bày của các đương sự là Chị Giàng Thị D và anh Thào A D1 chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2003, đến nay chưa đăng ký kết hôn, khi kết hôn chỉ tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán tại địa phương. Nguyên nhân mâu thuẫn gia đình chủ yếu là anh D1 nghiện chất ma túy, đã đi cai tại cơ sở cai nghiện ma túy tỉnh Yên Bái nhưng vẫn tái nghiện, vợ chồng thường xuyên cãi, chửi nhau gây mất an ninh trật tự, an toàn xã hội tại địa phương. Xét về điều kiện nuôi con thì anh D1 và chị D đều có điều kiện như nhau.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mù Cang Chải phát biểu ý kiến nhận định quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán đã thụ lý và giải quyết vụ án đúng thẩm quyền theo quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử đảm bảo tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng. Nguyên đơn vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn vắng mặt không có lý do chính đáng, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần hai nhưng vẫn vắng mặt, đề nghị xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại khoản 1, 3 Điều 228 và 238 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố không công nhận chị Giàng Thị D và anh Thào A D1 là vợ chồng; giao cháu Thào Thị S, sinh ngày 20/8/2009 và Thào Thị B, sinh ngày 26/6/2015 cho chị Giàng Thị D trực tiếp nuôi dưỡng; giao cháu Thào A T, sinh ngày 25/02/2011 cho anh Thào A D1 trực tiếp nuôi dưỡng. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung chấp nhận yêu cầu của chị Giàng Thị D; chị D được sử dụng 01 mảnh nương thảo quả 100 gốc tại bản Tà ghênh, xã N, huyện V, tỉnh Lào Cai. Anh Giàng A D2 được sở hữu, sử dụng số tài sản còn lại. Miễn án phí cho các đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Nguyên đơn chị Giàng Thị D khởi kiện yêu cầu giải quyết ly hôn với bị đơn là anh Thào A D1, trú tại bản Tà Chí Lừ, xã L, huyện M, tỉnh Yên Bái, thuộc thẩm

quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Mù Cang Chải theo quy định tại các Điều 28, 35, và 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tòa án đã triệu tập họp lệ; tổng đạt, niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật nhưng bị đơn vẫn cố tình vắng mặt; nguyên đơn vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt. Vì vậy Hội đồng xét xử, xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại khoản 1, 3 Điều 228 và Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Hội đồng xét xử xét thấy trong thời gian chung sống với nhau chị Giàng Thị D và anh Thào A D1 có đủ điều kiện kết hôn, nhưng không đăng ký kết hôn nên đã vi phạm Điều 9 của Luật Hôn nhân và Gia đình, vì vậy quan hệ hôn nhân của chị D và anh D1 là không hợp pháp. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 14 và khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, không công nhận chị Giàng Thị D và anh Thào A D1 là vợ chồng.

[3] Về con chung: chị Giàng Thị D yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con là cháu Thào Thị S, sinh ngày 20/8/2009 và Thào Thị B, sinh ngày 26/6/2015; anh Thào A D1 trực tiếp nuôi dưỡng Thào A T, sinh ngày 25/02/2011, không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung; Xét về nguyện vọng của các con “Nếu bố mẹ ly hôn thì các con xin được ở với mẹ”. Tuy nhiên xét điều kiện thực tế anh D1 có khả năng nuôi dưỡng cháu T, mặt khác theo phong tục tập quán địa phương thì con trai phải theo bố; chị D có đủ điều kiện để nuôi dưỡng cháu S và cháu B.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở.

[4] Về tài sản chung:

* Chị Giàng Thị D yêu cầu được sở hữu và sử dụng 01 mảnh nương thảo quả khoảng 100 gốc tại bản Tà ghênh, xã N, huyện V, tỉnh Lào Cai. Yêu cầu của chị D là có căn cứ cần được chấp nhận.

* Anh Thào A D1 được sở hữu, sử dụng tài sản sau:

- 01 Ngôi nhà gỗ 3 gian, lợp ván gỗ tạp xung quanh, có diện tích 60 m². Nguồn gốc do 2 vợ chồng tạo dựng. Tại bản Tà Chí Lừ, xã L, huyện M, tỉnh Yên Bái.

- Đất ruộng gồm 13 thửa tại bản Pú Nhu H, xã L, huyện M, tỉnh Yên Bái.

- Nương Thảo quả gồm 02 nương:

+ Nương thứ nhất: Khoảng 100 gốc, tại bản K, xã C, huyện M, tỉnh Yên Bái.

+ Nương thứ hai: Khoảng 110 gốc, tại bản K, xã C, huyện M, tỉnh Yên Bái.

+ 01 Chiếc xe máy Honda RSX, màu sơn đỏ - Đen.

+ 01 Chiếc máy nghiền ngô.

[5] Về quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa Hội đồng xét xử thấy có căn cứ và phù hợp nên cần được chấp nhận.

[6] Về án phí: Các đương sự là đồng bào dân tộc thiểu số, sống trong vùng có điều kiện kinh tế đặc biệt khó khăn, cần miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho các đương sự.

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 147, 228, 238, 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ khoản 1 Điều 14; khoản 2 Điều 53; các 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình;

- Căn cứ Điều 219 Bộ luật dân sự;

- Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố không công nhận chị Giàng Thị D và anh Thào A D1 là vợ chồng.

2. Về con chung: chị Giàng Thị D được trực tiếp nuôi cháu Thào Thị S, sinh ngày 20/8/2009 và Thào Thị B, sinh ngày 26/6/2015; anh Thào A D1 trực tiếp nuôi dưỡng Thào A T, sinh ngày 25/02/2011. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung:

* Chị Giàng Thị D được sở hữu và sử dụng số tài sản sau:

+ 01 mảnh nương thảo quả 100 gốc tại bản Tà ghênh, xã N, huyện V, tỉnh Lào Cai.

* Anh Thào A D1 được sở hữu, sử dụng tài sản sau:

- 01 Ngôi nhà gỗ 3 gian, lịa ván gỗ tạp xung quanh, có diện tích 60 m². Nguồn gốc do 2 vợ chồng tạo dựng. Tại bản Tà Chí Lừ, xã L, huyện M, tỉnh Yên Bái.

- Đất ruộng gồm 13 thửa tại bản Pú Nhu H, xã L, huyện M, tỉnh Yên Bái.

- Nương Thảo quả gồm 02 nương:

+ Nương thứ nhất: Khoảng 100 gốc, tại bản K, xã C, huyện M, tỉnh Yên Bái.

+ Nương thứ hai: Khoảng 110 gốc, tại bản K, xã C, huyện M, tỉnh Yên Bái.

+ 01 Chiếc xe máy Honda RSX, màu sơn đỏ - Đen.

+ 01 Chiếc máy nghiền ngô.

4. Về án phí: Các đương sự được miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- Các đương sự;
- UBND xã La Pán Tẩn
- Lưu HS

T. M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Tòng Văn Q